

Bản án số: 04/2024/HS - ST

Ngày 15/3/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PÁC NẶM, TỈNH BẮC KẠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Thanh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Văn Tuấn và ông Nguyễn Hữu Vinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Triệu Giang - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Ông Triệu Xuân Triu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 3 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 04/2024/TLST-HS, ngày 16 tháng 01 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2024/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 02 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Triệu Văn S - Tên gọi khác: Không

Sinh ngày 17 tháng 01 năm 1969 tại huyện H, tỉnh Cao Bằng.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn K, xã G, huyện P, tỉnh Bắc Kạn.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: Không biết chữ; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): không; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Tin Lành; quốc tịch Việt Nam; con ông Triệu Kiềm V và bà Tạ Thị P; V1; Tạ Thị L; Con: Có 05 con, con lớn nhất sinh năm 1989, con nhỏ nhất sinh năm 1997

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 31/10/2023 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Ma Văn D - Tên gọi khác: Không

Sinh ngày 21 tháng 11 năm 1980 tại huyện P, tỉnh Bắc Kạn.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn K, xã G, huyện P, tỉnh Bắc Kạn.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 4/12; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Phó bí thư chi bộ; trưởng thôn Khâu Slôm; dân tộc: H'Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch Việt Nam; con ông Ma A T và bà Hầu Thị M; V1 là Thào Thị S1; Con: Có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1999, con nhỏ nhất sinh năm 2010.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 31/10/2023 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Ma Văn D: Bà **Nguyễn Phương B** - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh B. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Triệu Văn S: Ông **Đình Xuân D1** - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh B. Vắng mặt.

Nguyên đơn dân sự: Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bắc Kạn - Đại diện theo pháp luật ông Đào Duy H - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P. Vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Minh T1 - Trưởng phòng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Thào Thị S1, sinh năm 1980. Có mặt.
2. Ông Trang A P1, sinh năm 1974. Có mặt.
3. Bà Tạ Thị L, sinh năm 1967. Có mặt.
4. Ông Triệu Văn T2, sinh năm 1997. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt
5. Bà Triệu Mùi D2, sinh năm 1996. Có mặt.

Đều có địa chỉ: Thôn K, xã G, huyện P, tỉnh Bắc Kạn

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2023, gia đình Triệu Văn S được Nhà Nước hỗ trợ tiền làm nhà cho hộ nghèo. Do có nhu cầu lấy gỗ để làm nhà và biết khu rừng tự nhiên sản xuất tại thôn K, xã G, huyện P do Ủy ban nhân dân xã G quản lý có một cây gỗ phay còn sống do Ma Văn D trông giữ, S đã đến gặp D hỏi mua cây gỗ. Khoảng đầu tháng 02 năm 2023, sau nhiều lần hỏi, D đồng ý bán cây gỗ cho S với giá 6.500.000 đồng. Do S không biết chặt cây nên đã nhờ D chặt hộ và D đồng ý.

Khoảng cuối tháng 02 năm 2023, Trang A P1, sinh 1974, trú tại thôn K, xã G và Trang A, sinh năm 1977, trú tại thôn K, xã G là anh họ của D đến nhà D

chơi, D nhờ chặt cây thì P1 và L1 đồng ý. Sau đó, P1 và L1 về nhà lấy một máy cưa xích của P1 cùng D đến gốc cây gỗ, thay nhau cắt chặt khoảng hai giờ thì cây đổ xuống khe suối. Sau khi cây gỗ được chặt đổ, D tự đưa số tiền 150.000 đồng cho P1 với L1, thông báo cho Triệu Văn S biết cây đã được chặt đổ và được S đưa trước cho D số tiền 1.000.000 đồng.

Khoảng đầu tháng 3 năm 2023, không nhớ ngày cụ thể, S cùng Triệu Văn P2, sinh năm 1990, trú cùng thôn với S dùng máy cưa xích của S xẻ cây gỗ trong thời gian khoảng 10 ngày thì được nhiều tấm ván gỗ và 20 khúc, dạng cột nhà.

Ngày 27/3/2023, S đã trả hết số tiền 5.500.000 đồng còn lại cho D thì bị người dân phát hiện việc mua bán cây của D với P2 và làm đơn tố giác. Ngày 01/4/2023, Công an huyện P tiến hành làm việc thì Ma Văn D và bà Thào Thị S1 là vợ của bị cáo đã giao nộp toàn bộ số tiền bán cây gỗ được cho Cơ quan điều tra Công an huyện P.

Tại Biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 31/3/2023 xác định: Vị trí gốc cây gỗ bị chặt hạ tại tọa độ X: 406033, Y: 2504775 thuộc lô 28, khoảnh 3, tiểu khu A; thuộc thửa đất số 28, tờ bản đồ số 01 thôn H (nay là thôn K), xã G, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Đối tượng quy hoạch là rừng sản xuất, trạng thái là rừng gỗ tự nhiên núi đất lá rộng thường X (TXB) theo Quyết định số 1794 ngày 26/10/2018 của UBND tỉnh B, chủ quản lý là UBND xã G. Tại hiện trường phát hiện một gốc cây bị cắt sát mặt đất, chu vi vòng dây 7,20 mét, có vết cắt sắc gọn có nhiều nhựa cây, vết cắt còn mới. Cách gốc cây 31 mét về hướng Tây, tại khe suối trên diện 15x30 mét phát hiện nhiều khúc, thanh, tấm ván, khúc gỗ đồng thành nhiều đồng, rải rác có nhiều mùn cưa và ba chai nhựa dạng hình hộp chữ nhật có kích 0,10x0,23x0,05 mét; Cách đồng gỗ 10 mét về hướng T, tại sườn đồi phát hiện nhiều cành, ngọn cây không có lá bị gãy vụn thành nhiều đoạn nằm rải rác trên mặt đất; Cách đồng gỗ 25 mét về hướng Bắc, tại khe suối phát hiện 30 thanh gỗ. Tổng số 188 khúc, thanh, tấm ván gỗ có khối lượng 20,236m³.

Tại Kết luận giám định số 195/CNR-VP ngày 17/4/2023 của V2 kết luận: Bốn mẫu gỗ gửi giám định ký hiệu M1, M2, M3, M4 đồng nhất một chủng loại gỗ, tên Việt Nam: Phay; tên khoa học: *Duabanga grandiflora* (DC.) W (*Duabanga sonneratioides* H2.). Loài phay D3 grandiflora không có tên trong “Danh mục thực vật, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm” Ban hành kèm theo Nghị định số 84/2021/NĐ-CP ngày 22/9/2021 của Chính Phủ và “Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ” Ban hành kèm theo Nghị định số 64/2019/NĐ-CP ngày 16/7/2019 của Chính Phủ. Gỗ phay *Duabanga grandiflora* được xếp nhóm VI trong “Bảng phân loại tạm thời các loại gỗ sử dụng thống nhất trong cả nước” ban hành kèm theo Quyết định số 2198-CNR ngày 26/11/2017

của Bộ L3 – nay là Bộ N.

Tại Kết luận định giá tài sản số 04 ngày 10/8/2023 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên Ủy ban nhân dân huyện P kết luận: Tại thời điểm tháng 3 năm 2023, gỗ phay thuộc loại thông thường nhóm VI có tổng khối lượng 20,236 m³ có trị giá 50.590.000 đồng.

Trang A P1, Trang A L2 khai nhận: Páo, L2 là anh họ của Ma Văn D, không biết cây gỗ có được cấp phép khai thác hay không, nghĩ Dênh là Trưởng thôn, cây gỗ Dênh nhờ chặt sẽ được cấp phép nên khi được D nhờ thì P1 với L2 đã chặt cây gỗ cho D.

Triệu Văn P2 khai nhận: Páo là em ruột của bị cáo Triệu Văn S, P2 không biết cây gỗ đã được cho phép khai thác hay không, nghĩ cây gỗ Sỷ nhờ giúp xẻ là của D, D là Trưởng thôn, cây gỗ của D sẽ được cấp phép nên khi được S nhờ, P2 đã đồng ý và giúp.

Bị cáo Ma Văn D, Triệu Văn S khai nhận: Dênh là trưởng thôn của thôn K, xã G, biết nhà của S bị hỏng và được Nhà Nước hỗ trợ tiền làm nhà cho hộ nghèo nhưng không có gỗ để làm nên Dênh mới đồng ý bán cây gỗ cho S. Khi bán cây cho S, do S không biết chặt cây và nhờ D chặt hộ nên D đã nhờ Trang A P1, Trang A L2 chặt giúp. Dênh với S không nói cho Trang A P1, Trang A L2 và Triệu Văn P2 biết cây gỗ không được phép khai thác. Cây gỗ Dênh bán cho S mọc ở rừng do D quản lý từ lâu nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quá trình điều tra vụ án xác định, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải hành vi phạm tội của bản thân, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Sau khi phạm tội bị cáo D đã tự nguyện nộp số tiền 3.000.000đồng, bị cáo S tự nguyện nộp số tiền 2.000.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Pác Nặm để bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả, đó là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Vật chứng, tài sản tạm giữ của vụ án gồm:

- 183 thanh, tám ván gỗ có tổng khối lượng 18,070 m³ và 01 khúc gỗ tròn có khối lượng 0,079 m³ tập kết tại Trụ sở Kiểm lâm xã B, huyện P được giao cho Hạt kiểm lâm huyện P quản lý;

- 04 khúc gỗ tròn có tổng khối lượng 2,087 m³ được giao cho Ủy ban nhân dân xã G, huyện P quản lý.

- Một máy cưa xăng màu vàng, loại cầm tay, không có lam và lưỡi cắt, chiều dài 43 cm, trên máy có ký hiệu (H), đã qua sử dụng; một lưỡi lam màu xám không có lưỡi cưa, trên lam có ký hiệu STIHL (R) madein Brazil đã qua sử dụng

có chiều dài 81 cm, tạm giữ của bị cáo S; Một máy cưa xăng màu vàng cam, loại máy cưa cầm tay không có lam, xích, trên máy có dòng chữ Master đã qua sử dụng, chiều dài 0,43 mét; một lam màu xám, trên lam có chữ H1, kích thước 0,8 x 0,09 mét; một dây xích có răng cưa được gắn nối với nhau thành vòng tròn, chiều dài khi gấp đôi là 01 mét tạm giữ của T3 A Páo; Ba chai nhựa màu đen, dạng hình hộp chữ nhật, hai chai có nắp, một chai không nắp tạm giữ tại hiện trường được bảo quản tại kho vật chứng.

- Số tiền 6.500.000 đồng tạm giữ của bị cáo D và bà Thào Thị S1 đang tạm giữ tại kho bạc nhà nước huyện P

Về trách nhiệm dân sự: Nguyên đơn dân sự UBND huyện P, đại diện theo ủy quyền ông Phạm Minh T1 – Chức vụ Trưởng phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện P yêu cầu mỗi bị cáo bồi thường với số tiền 2.000.000 đồng, các bị cáo chưa thực hiện bồi thường.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận đúng hành vi như đã khai tại cơ quan điều tra, các bị cáo không có ý kiến gì về các kết luận định giá tài sản và thừa nhận Cáo trạng Viện kiểm sát truy tố bị cáo là hoàn toàn đúng hành vi các bị cáo đã thực hiện. Nguyên đơn dân sự và người được ủy quyền vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt và yêu cầu các bị cáo phải bồi thường theo văn bản nêu ý kiến tại cơ quan điều tra.

Tại bản cáo trạng số 04/CT-VKSPN ngày 14 tháng 01 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Pác Nặm đã truy tố bị cáo Ma Văn D và Triệu Văn S về tội “*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*” quy định tại điểm k khoản 1 Điều 232 Bộ luật hình sự;

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Pác Nặm giữ nguyên quan điểm truy tố như bản cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Ma Văn D và Triệu Văn S về tội “*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*”

- Áp dụng điểm K khoản 1 Điều 232 BLHS 2015; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Ma Văn D từ 09 (Chín) đến 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 18 (Mười tám) đến 24 (Hai tư) tháng.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo

- Áp dụng điểm K khoản 1 Điều 232 BLHS 2015; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Triệu Văn S từ 09 (Chín) đến 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 18 (Mười tám) đến 24 (Hai tư) tháng.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo

6. Về trách nhiệm dân sự: Công nhận sự thỏa thuận của các bị cáo, nguyên đơn dân sự. Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 584; 585; 586; 587; 589 của Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo Ma Văn D và Triệu Văn S mỗi người phải bồi thường cho nguyên đơn dân sự là Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bắc Kạn với số tiền là 2.000.000^d (Hai triệu đồng)

7. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu hóa giá nộp ngân sách Nhà nước các vật chứng gồm 183 thanh, tấm ván gỗ có tổng khối lượng 18,070 m³ và 01 khúc gỗ tròn có khối lượng 0,079 m³ tập kết tại Trụ sở Kiểm lâm xã B, huyện P được giao cho Hạt kiểm lâm huyện P quản lý.

04 khúc gỗ tròn có tổng khối lượng 2,087 m³ được giao cho Ủy ban nhân dân xã G, huyện P quản lý

Một máy cưa xăng màu vàng, loại cầm tay, không có lam và lưỡi cắt, chiều dài 43 cm, trên máy có ký hiệu H , đã qua sử dụng; một lưỡi lam màu xám không có lưỡi cưa, trên lam có ký hiệu STIHL R made in Brazil đã qua sử dụng có chiều dài 81 cm, tạm giữ của bị can S.

- Tịch thu tiêu hủy 03 (Ba) chai nhựa màu đen, dạng hình hộp chữ nhật, hai chai có nắp, một chai không nắp tạm giữ tại hiện trường được bảo quản tại kho vật chứng.

- Trả lại 01 (Một) máy cưa xăng màu vàng cam, loại máy cưa cầm tay không có lam, xích, trên máy có dòng chữ Master đã qua sử dụng, chiều dài 0,43 mét; một lam màu xám, trên lam có chữ H1, kích thước 0,8 x 0,09 mét; một dây xích có răng cưa được gắn nối với nhau thành vòng tròn, chiều dài khi gấp đôi là 01 mét cho ông Trang A P1.

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 6.500.000 đồng tạm giữ của bị cáo Ma Văn D và bà Thào Thị S1 đang tạm gửi tại kho bạc nhà nước huyện P.

Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội: Bị cáo Ma Văn D và Triệu Văn S được miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Tại bản luận cứ của người bào chữa tại phiên tòa. Người bào chữa nhận thấy việc xét xử bị cáo Ma Văn D về tội “*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*” là đúng người, đúng tội. Tuy nhiên tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng đặc biệt khó khăn nhận thức về pháp luật còn hạn chế, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo đã tự nguyện nộp tiền để bồi thường khắc phục hậu quả, do

vậy đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng 03 tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 cho bị cáo được hưởng án treo với mức hình phạt thấp nhất theo đề nghị của Viện kiểm sát, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đòi với bị cáo và miễn án phí cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, nguyên đơn dân sự, người bào chữa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an P, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Pác Nặm, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa nguyên đơn dân sự, người được ủy quyền, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người bào chữa cho bị cáo Ma Văn D vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin xét xử vắng mặt, bị cáo D đề nghị xét xử vắng mặt người bào chữa. Căn cứ vào Điều 291 và Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

[2] Kết quả tranh tụng tại phiên tòa đã có đủ căn cứ khẳng định:

Do có nhu cầu lấy gỗ để làm nhà và biết khu rừng tự nhiên sản xuất tại thôn K, xã G, huyện P do UBND xã G quản lý có một cây gỗ do Ma Văn D trông giữ, Triệu Văn S đã nhiều lần đến gặp D hỏi mua cây gỗ. Khoảng tháng 02 năm 2023, Ma Văn D đã bán cây gỗ cho Triệu Văn S được số tiền 6.500.000 đồng. Cây gỗ D bán cho S là loại gỗ Phay, thuộc gỗ nhóm VI, tổng khối lượng 20,236m³, trị giá 50.590.000 đồng.

Hành vi nêu trên của các bị cáo đã phạm tội "*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*" theo quy định tại điểm k khoản 1 Điều 232 Bộ luật hình sự.

Điều 232 Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 243 của Bộ luật này, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

.....
k)Mua bán trái phép từ 20 mét khối đến 40 mét khối (m^3) gỗ loài thực vật thông thường
.....

4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

Khi thực hiện hành vi các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, người liên quan và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

[3] Đánh giá về vai trò của các bị cáo

Trong vụ án này các bị cáo đều là đồng phạm, nhưng là đồng phạm giản đơn không có bị cáo nào giữ vai trò cầm đầu và không bị cáo nào giữ vai trò thứ yếu, do vậy các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương ứng với hành vi của mình.

[4] Xét thấy hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về khai thác và bảo vệ rừng, xâm hại đến sự ổn định và bền vững của môi trường sinh thái, do vậy cần phải có hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo để giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả điều tra, xác minh cho thấy các bị cáo không có công việc ổn định, các bị cáo thuộc đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Do đó không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo là phù hợp.

[5] Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thì thấy:

- Tình tiết tăng nặng: Bị cáo Ma Văn D và Triệu Văn S không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Ma Văn D và Triệu Văn S đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, bị cáo Ma Văn D và Triệu Văn S phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, hai bị cáo đã nộp vào cơ quan thi hành án dân sự một khoản tiền để khắc phục hậu quả do vậy bị cáo Ma Văn D và Triệu Văn S được hưởng ba tình

tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

[6] Về vật chứng vụ án:

- 183 thanh, tấm ván gỗ có tổng khối lượng 18,070 m³ và 01 khúc gỗ tròn có khối lượng 0,079 m³ tập kết tại Trụ sở Kiểm lâm xã B, huyện P được giao cho Hạt kiểm lâm huyện P quản lý là vật chứng của vụ án nên cần tịch thu hóa giá nộp ngân sách Nhà nước.

- 04 khúc gỗ tròn có tổng khối lượng 2,087 m³ được giao cho Ủy ban nhân dân xã G, huyện P quản lý là vật chứng của vụ án nên cần tịch thu hóa giá nộp ngân sách Nhà nước.

- Một máy cưa xăng màu vàng, loại cầm tay, không có lam và lưỡi cắt, chiều dài 43 cm, trên máy có ký hiệu (H), đã qua sử dụng; một lưỡi lam màu xám không có lưỡi cưa, trên lam có ký hiệu STIHL (R) made in Brazil đã qua sử dụng có chiều dài 81 cm, tạm giữ của bị cáo S là vật chứng của vụ án, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị cáo Triệu Văn S và những người có quyền lợi liên quan đến chiếc cưa là bà Tạ Thị L, anh Triệu Văn T2, chị Triệu Mùi D2 không yêu cầu lấy lại chiếc cưa nên cần tịch thu hóa giá nộp ngân sách Nhà nước.

- Một máy cưa xăng màu vàng cam, loại máy cưa cầm tay không có lam, xích, trên máy có dòng chữ Master đã qua sử dụng, chiều dài 0,43 mét; một lam màu xám, trên lam có chữ H1, kích thước 0,8 x 0,09 mét; một dây xích có răng cưa được gắn nối với nhau thành vòng tròn, chiều dài khi gấp đôi là 01 mét tạm giữ của Trang A P1. Việc T3 A P1 dùng chiếc máy cưa để cưa đổ cây gỗ, tuy nhiên việc cưa đổ cây là do được D nhờ và tin tưởng D là trưởng thôn nên đã được cấp phép do vậy cần trả lại chiếc máy cưa cho Trang A P1.

Ba chai nhựa màu đen, dạng hình hộp chữ nhật trên thân chai đều có dòng chữ Havoline, trong đó hai chai có nắp màu xanh, một chai không có nắp tạm giữ tại hiện trường được bảo quản tại kho vật chứng không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Số tiền 6.500.000 đồng tạm giữ của bị can D và bà Thào Thị S1 đang tạm gửi tại kho bạc nhà nước huyện P là số tiền bán cây gỗ Phay do phạm tội mà có do vậy cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Nguyên đơn dân sự Ủy ban nhân dân huyện P yêu cầu các bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường mỗi người 2.000.000đ (Hai triệu đồng), bị cáo Ma Văn D và Triệu Văn S đều đồng ý, do vậy cần ghi nhận tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo với nguyên đơn dân sự.

Buộc bị cáo Ma Văn D và Triệu Văn S mỗi người phải bồi thường số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng), cho nguyên đơn dân sự là Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bắc Kạn.

[8]. Về biện pháp tư pháp:

Tạm giữ số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng) tại biên lai thu tiền số 0001951, ngày 11/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn để đảm bảo thi hành án cho bị cáo Ma Văn D.

Tạm giữ số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng) tại biên lai thu tiền số 0001952, ngày 11/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn để đảm bảo thi hành án cho bị cáo Triệu Văn S.

[9]. Đánh giá về quan điểm truy tố, đề nghị của Viện kiểm sát: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn tại phiên tòa giữ nguyên Quyết định truy tố như nội dung bản Cáo trạng, quan điểm truy tố của Viện kiểm sát là có căn cứ. Mức hình phạt của Viện kiểm sát đề nghị tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra.

Đánh giá việc người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo Ma Văn D được hưởng 03 tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 cho bị cáo được hưởng án treo với mức hình phạt thấp nhất theo đề nghị của Viện kiểm sát, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo và miễn án phí cho bị cáo. Hội đồng xét xử nhận định đề nghị của người bào chữa là có cơ sở, do vậy được Hội đồng xét xử xem xét.

[10]. Về án phí: Các bị cáo thuộc đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn đề nghị xin miễn án phí, do vậy cần miễn án phí cho các bị cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố các bị cáo Ma Văn D và Triệu Văn S phạm tội “*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*”.

- Áp dụng điểm K khoản 1 Điều 232 BLHS 2015; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Ma Văn D 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng.

- Áp dụng điểm K khoản 1 Điều 232 BLHS 2015; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị

cáo Triệu Văn S 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng.

Giao bị cáo Ma Văn D và Triệu Văn S cho Ủy ban nhân dân xã G, huyện P, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp người được cho hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Công nhận sự thỏa thuận của bị cáo, nguyên đơn dân sự. Căn cứ Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999; Các Điều 584; 585; 586; 587; 589 của Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo Ma Văn D và Triệu Văn S mỗi người phải bồi thường cho nguyên đơn dân sự là Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bắc Kạn với số tiền là 2.000.000^d (Hai triệu đồng)

3. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu hóa giá nộp ngân sách Nhà nước các vật chứng gồm 183 thanh, tấm ván gỗ có tổng khối lượng 18,070 m³ và 01 khúc gỗ tròn có khối lượng 0,079 m³ tập kết tại Trụ sở Kiểm lâm xã B, huyện P được giao cho Hạt kiểm lâm huyện P quản lý.

Số lượng, tình trạng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 31/3/2023 giữa Cơ quan điều tra Công an huyện P, tỉnh Bắc Kạn và Hạt Kiểm lâm huyện P, tỉnh Bắc Kạn).

04 khúc gỗ tròn có tổng khối lượng 2,087 m³ được giao cho Ủy ban nhân dân xã G, huyện P quản lý.

Số lượng, tình trạng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 14/4/2023 giữa Cơ quan điều tra Công an huyện P, tỉnh Bắc Kạn và Ủy ban nhân dân xã G, huyện P, tỉnh Bắc Kạn).

Một máy cưa xăng màu vàng, loại cầm tay, không có lam và lưỡi cắt, chiều dài 43 cm, trên máy có ký hiệu (H), đã qua sử dụng;

Một lưỡi lam màu xám không có lưỡi cưa, trên lam có ký hiệu STIHL (R) madein Brazil đã qua sử dụng có chiều dài 81 cm.

- Trả lại cho ông Trang A P1, sinh năm 1974 trú tại thôn K, xã G, huyện P, tỉnh Bắc Kạn một máy cưa xăng màu vàng cam, loại máy cưa cầm tay không có lam, xích, trên máy có dòng chữ Master đã qua sử dụng, chiều dài 0,43 mét; một

lam màu xám, trên lam có chữ H1, kích thước 0,8 x 0,09 mét; một dây xích có răng cưa được gắn nối với nhau thành vòng tròn, chiều dài khi gấp đôi là 01 mét.

- Tịch thu tiêu hủy ba chai nhựa màu đen, dạng hình hộp chữ nhật, trên thân chai đều có dòng chữ Havoline, trong đó hai chai có nắp màu xanh, một chai không có nắp.

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 6.500.000đ (Sáu triệu, năm trăm nghìn đồng).

Số lượng, tình trạng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 16/01/2024 giữa Cơ quan điều tra Công an huyện P, tỉnh Bắc Kạn và Chi cục thi hành án dân sự huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn).

- Tạm giữ số tiền 3.000.000^d (Ba triệu đồng) tại biên lai thu tiền số 0001951, ngày 11/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn để đảm bảo thi hành án cho bị cáo Ma Văn D.

Sau khi thi hành xong các khoản tiền cho bị cáo Ma Văn D thì khoản tiền còn thừa được trả lại cho bị cáo Ma Văn D.

- Tạm giữ số tiền 2.000.000^d (Hai triệu đồng) tại biên lai thu tiền số 0001952, ngày 11/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn để đảm bảo thi hành án cho bị cáo Triệu Văn S.

Việc thi hành án được thực hiện theo Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015

“Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015”

4. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội:

Bị cáo Ma Văn D và Triệu Văn S được miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhân:

- VKSND huyện Pác Nặm. (01b)
- TAND tỉnh Bắc Kạn. (01b)
- VKSND tỉnh Bắc Kạn.(01b)
- Bộ phận hồ sơ CA huyện Pác Nặm. (03b)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS huyện Pác Nặm. (01b)
- Sở Tư pháp. (01b)
- Người bào chữa (02b)
- Bị cáo. (02b)
- Nguyên đơn dân sự. (01b)
- Người có QL,NVLQ. (05b)
- UBND xã Giáo Hiệu. (01b)
- Hạt Kiểm lâm huyện Pác Nặm. (01b)
- Lưu hs;

Đã Ký

Hà Thanh Tuấn